

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THẺ CÁN-CUỘC

Số

06595844

Họ Tên

THI-XAM

Ngày, nơi sinh

1921

Thanh-Hung (Hách-Giã)

Cha

Danh-Thu

Mẹ

Thị-Soi

Địa chỉ

64/3 Mỏ-Sa K-Bình (K-G)



Dấu vết riêng:

Tàn nhang chột càm.

Cao: 1 th 56

Nặng: 46 Kg

Chữ ký đương sự:

Kiên-Giang ngày 03-09 19 70

Trưởng-Ty Cảnh-Sát Quốc-Gia

ĐỒ-HỮU-DUNG

Ngón trỏ mặt



QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
Câu hỏi cho người nộp đơn

ODP IV:

Date :
Ngày

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you can not read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Điền vào Bảng Câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng đầy đủ càng tốt. Nếu Bạn không đọc hoặc viết rành Anh ngữ được thì điền bằng tiếng Việt.

Mail or send the completed questionnaire to :
Gửi Bảng Câu hỏi này về :
MRS KHUC MINH THO
PO. Box 5435 Arlington
Va. 22205-0635
U. S. A.

A. BASIC IDENTIFICATION DATA / Lý lịch căn bản.

1. Name : THỊ XÂM Sex : Female
Họ tên Phái
2. Other Name : None.
Họ tên khác
3. Date/Place of Birth : 1921 Thanh Hưng, Rạch Giá
Ngày / Nơi sinh
4. Residence Address : Thanh Hưng Commune, Giồng Riềng,
Địa chỉ thường trú Kiên Giang Province, VIỆT NAM
5. Mailing Address : Same as above.
Địa chỉ thư từ
6. Current Occupation : Farmer
Nghề nghiệp hiện tại

B. RELATIVES TO ACCOMPANY ME / Bà con cùng đi với tôi.

(NOTE : Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows : married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)

(CHÚ Ý : Chỉ có vợ/chồng và con còn độc thân mới có thể cùng đi với Bạn. kê khai tình trạng gia đình như sau : đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S).)

NAME	DATE/PLACE OF BIRTH	SEX	M.S.	RELATIONSHIP
1. THỊ HỘI	1944 Thanh Hưng KG.	F	M	Daughter
2. THỊ ĐEN	1954 id	F	M	Daughter
3. THỊ LÊNH	1959 id	F	M	Daughter

(NOTE : For the persons listed above, we will need eligible copies of birth certificate, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(NOTE : For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificate, marriage certificates (if married) divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), ID Cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relative do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ Ý : Cho mỗi người có tên trong danh sách trên, chúng tôi cần một khai sinh, hôn thú (nếu đã lập gia đình), Giấy ly hôn (nếu đã ly dị), khai tử của vợ/chồng (nếu là góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu có bà con sẽ cùng đi với bạn mà hiện nay không chung ngụ và hình. Nếu có bà con sẽ cùng đi với bạn mà hiện nay không chung ngụ

C. RELATIVES OUTSIDE VIETNAM / Bà con ở ngoại quốc.

	OF MYSELF của tôi	:	OF MY SPOUSE của vợ/chồng
1. Closest Relative in The U.S. Bà con thân thuộc nhất ở Hoa Kỳ		:	
a. Name Họ tên	:	:	
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:	
c. Address Địa chỉ	:	:	
d. Date of Relative's Arrival in The U.S. Ngày Bà con đến Hoa Kỳ	:	:	
2. Closest Relative in Other Foreign Countries : Bà con thân thuộc nhất ở các nước khác		:	
a. Name Họ tên	:	:	
b. Relationship Liên hệ gia đình	:	:	
c. Address Địa chỉ	:	:	

D. COMPLETE FAMILY LISTING (Living/Dead) / Danh sách toàn thể gia đình (Sống/Chết)

1. Father Cha	:	DANH THU, Farmer at Thanh Hưng
2. Mother Mẹ	:	THỊ SOI, Farmer at Thanh Hưng
3. Spouse Vợ/Chồng	:	DANH MAI, born in 1944 at Thanh Hưng Late Private.
4. Former Spouse (if any) Vợ chồng trước (nếu có)	:	None
5. Children : Các con	:	(1) Thị Hợi, 1944 Farmer at Thanh Hưng, Kiên Giang (2) Thị Đen, 1954 id (3) Thị Lenh, 1959 id
6. Siblings : Anh chị em	:	Any

E. EMPLOYMENT BY U.S. GOVERNMENT AGENCIES OR OTHER U.S. ORGANIZATION
BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công
Sở Hoa Kỳ hoặc Hàng Mỹ.

1. Name of Employee :
Họ tên nhân viên :
Position Title :
Chức vụ :
Agency/Company/Office :
Sở / Hãng / Văn phòng :
Length of Employment : From : To :
Thời gian làm việc Từ : tới :
Name of American Supervisor :
Tên họ giám thị Mỹ :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
2. Name of Employee :
Họ tên nhân viên :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :
3. Name of Employee :
Họ tên nhân viên :
Reason for Separation :
Lý do nghỉ việc :

F. SERVICE WITH GVN OR RVNAF BY YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng
đã công vụ với Chính Phủ Việt Nam.

1. Name of Person Serving : DANH MAI
Họ tên người tham gia
2. Dates : From : 08.10.1970 To : 11.07.1972
Ngày tháng năm Từ : tới
3. Last Rank : Private Mil. Serial No: 881.865
Cấp bậc sau cùng Sĩ quan
4. Ministry/Office/ Mil. Unit :
Bộ/Sở/Đơn vị binh chủng
5. Name of Supervisor / C.O. :
Họ tên giám thị/SQ chỉ huy
6. Reason for Separation : Killed by VC
Lý do nghỉ việc
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Hoa Kỳ
8. Training Courses in Việt Nam:
Các khóa huấn luyện của Mỹ tại VN
9. U.S. Awards or Certificates
Name of Award : Date received :
Hạng thưởng/Giấy khen Ngày nhận

(NOTE : Please attach any copies of diplomas, awards or^Xcertificates,
if available, Available ? Yes : No : .)

(CHÚ Ý: Xin Bạn kèm theo bất cứ Văn bằng, Giấy Bạt khen^X hoặc chứng
thứ, nếu có. Bạn có không? Có : Không : .)

G. TRAINING OUTSIDE VIET NAM OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã được huấn luyện ở ngoại quốc.

1. Name of Student/Trainee :
Họ tên sinh viên/Người thụ huấn
2. School and School Address :
Tên trường và địa chỉ trường
3. Dates : From : To :
Ngày tháng năm Từ tới
4. Description of Courses :
Mô tả ngành học
5. Who paid for Training ?
Ai đài thọ chương trình huấn luyện ?

(NOTE : Please note copies of diplomas or orders, if available.
Available ? Yes : No :)

(CHÚ Ý : Xin Bạn kèm theo Văn bằng hoặc chỉ thị, nếu có. Bạn có không ? Có : Không :)

H. RE-EDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE / Bạn hoặc vợ/chồng đã học tập cải tạo.

1. Name of Person in Re-Education :
Họ tên người học tập cải tạo
2. Time in Re-Education : From : To :
Thời gian học tập Từ tới
3. Still in Re-Education ? Yes : No :
Còn học tập cải tạo không? Còn Không

(If released, we must have a copy of your release certificate.)

(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại của Bạn.)

I. ANY ADDITIONAL REMARKS ? / Cuộc chú phụ thuộc ?

My husbands died in an ambush.

I wish I could be given war dead's wife allowance as before.

Signature :
Ký tên

Date :
Ngày

J. ALL DOCUMENTS ENCLOSED / Tất cả hồ sơ đính kèm.

1. Photocopy of military curriculum vitae.
2. Photocopy of myhusband's death certificate.
3. Photocopy of Relationship.

Số hiệu: 09
(1)

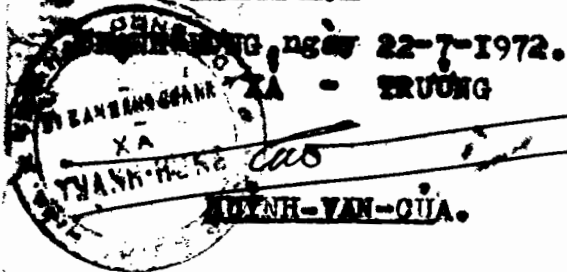
T U

vin cày
05 MAR - / Hs. TP.
19/9/72
H

Người chết: (Tên họ)	Danh & Mai
Nghề-nghiep:	quân nhân số quân 881.865
Cư trú tại:	Trung đội KQG/THI Thanh-Hung
Sinh ngày:	Một ngàn chín trăm bốn mươi bốn
Tại:	Thanh-Hung (Rạch-Gia)
Chưa có chồng vợ hay là góa chồng vợ (Kể tên họ nếu có)	Độc Thân
Người chồng hay người vợ làm nghề gì:	//
Cha: (Tên họ)	Danh - Phấn (o)
Mẹ: (Tên họ)	Thị - Xâm o/c 06595844
Chết ngày:	Mười bốn tháng bảy năm 1972
Chết tại:	Ấp Mò-om xã Thanh-Hung
Ngày khai:	Ngày mười bảy tháng bảy năm 1972
Người khai: (Tên họ)	Thị - Xâm o/c 06595844
Người khai mấy tuổi:	Năm mươi một tuổi
Nghề-nghiep:	Làm ruộng
Cư-trú tại:	Ấp Mò-om xã Thanh-Hung
Người chứng thứ nhất: (Tên họ)	Lý Cơ số quân 442.091
Mấy tuổi:	ba mươi bảy tuổi
Nghề nghiệp:	quân nhân
Cư-trú tại:	Trung-đội KQG/THI
Có phải bà con hoặc ở gần người chết phải nói rõ:	ở chung đơn vị
Người chứng thứ nhì: (Tên họ)	Đỗ thành-Lang số quân 816.475
Mấy tuổi:	hai mươi tuổi
Nghề-nghiep:	quân - nhân
Cư-trú tại:	Trung-đội KQG/THI
Có phải là bà con hoặc ở gần phải nói rõ:	ở gần

(1) Lễ chưa đề mà lược
biên án tòa cải khai từ lại.

KIỂM-THI:



ĐIỂM-VAN-QUA.

Làm tại THANH-HUNG ngày 17 tháng 07 năm 1972.
Người khai, Hộ-lại, Nhân chứng,

THỊ-XÂM (gạt thập) TRỊNH-HỮU-THƯỜNG (ký tên) 1-LÝ-CƠ (ký tên)
SAO-Y BỘ-CHÁNH. 2- ĐỖ THÀNH-LANG. (ký tên)
THANH-HUNG, ngày 22-7-1972.

ĐY-VIÊN BỘ-TIỀN

PHẢI NHỚ.— Chỗ trắng không dùng tới phải kéo qua một nét.

Chữ
TRỊNH-HỮU-THƯỜNG.

Trick iuc theo Gaoi ba , ly lich cua duong su .

N A N D A N G

Ngày	1974	Tai	1974	Tên	Tên
Chức	Chức	va Ba	va Ba	Tran	Tran
Quê	Quê	Tinh	Tinh	Mai	Mai
at hon nam	at hon nam	voi Co	voi Co	Khuon Mai	Khuon Mai
ai tai	ai tai	Tinh	Tinh	Gao 1 tra	Gao 1 tra
pen	pen			DAU TIN DICH	DAU TIN DICH
ly thep ket hon cus	ly thep ket hon cus				

NGUYEN LAI BINH NGHIEP

(QUAN VU LIEN TIEP)

[illegible]

ALIEN-DICE.

TUYEN DUONG CONG TIANG

1. May
2. May

THE CONGRUENT

CHJC

KBC. 4067 NEW & there 9 Nov 1974
NEAN TROC

NEAL T. YOC

Kyuzen

~~Thief to Thieves~~
Trading

1. 1947-1948
2. 1949-1950

FR: Thị Xâm
Xã Thanh Hưng
Giồng Rừng, Kiên Giang
Việt Nam.

R

A
NS 0 1

DEC 10 198

MAIL BAY
PAR AVION

To: Mrs KHUẾ-MINH-THO
P.O. Box 5435
ARLINGTON, VA. 22205-0635
U.S.A.

33g = 182H0